TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày 13 – 7 - 2021
"V/v Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Đình Bông

2/ Bà Lê Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A – vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 01, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Trần Thị D – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị H và trình bày:

Năm 2018, bà Đinh Thị H vay của bà Trần Thị D tại tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)*. Đến ngày 25/10/2019 bà có đến nhà bà D để thanh toán số tiền nợ là 60.000.000đ thì bà D không có ở nhà. Con gái bà D là chị Nguyễn Thị Ngọc A đã nhận thay bà D số tiền này và có viết cho bà 01 biên nhận với nội dung *"Cháu Nguyễn Thị Ngọc A (con mẹ D). Hôm nay ngày 25/10/2019 nhận 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) từ cô H"* và kí tên.

Năm 2020, bà Trần Thị D khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền này vì cho rằng bà chưa thanh toán cho bà D. Chị Nguyễn Thị Ngọc A không thừa nhận việc nhận của bà 60.000.000đ thay mẹ đối với khoản nợ này mà cho rằng: Chị A nhận của bà 60.000.000đ là khoản tiền bà nợ riêng của chị A. Tuy nhiên, giữa bà và chị A không hề có quan hệ vay mượn tiền bạc gì. Tòa án giải quyết buộc bà phải trả cho bà Trần Thị D 70.000.000đ tiền gốc là lãi suất theo quy định. Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc A phải trả cho bà 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng).*

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Trước ngày chị viết biên nhận cho bà Đinh Thị H thì bà H có đến nhà mẹ chị (bà Trần Thị D) vay nóng số tiền 60.000.000đ nhưng mẹ chị không có nhà. Do đó, chị lấy tiền riêng của chị cho bà H vay nhưng không viết giấy tờ. Lý do các bên không lập giấy vay tiền là vì bà H là chỗ quen biết thân thiết với mẹ chị nên tin tưởng, không yêu cầu bà H viết giấy vay. Lúc vay thì bà H không nói mục đích vay tiền để làm gì mà chỉ nói cần gấp số tiền này và vay vài ngày sẽ trả. Tuy nhiên, cả tuần sau vào ngày 25/10/2019 bà H mới trả tiền cho chị. Số tiền chị cho bà H vay là tiền riêng của chị, không liên quan gì đến khoản tiền 70.000.000đ mà bà H nợ mẹ chị. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của bà H, chị không đồng ý trả.

Người làm chứng bà Trần Thị D trình bày: Trước đây, bà với bà Đinh Thị H có quan hệ làm ăn, bà H thường xuyên vay tiền của bà. Bà không nhớ chính xác thời gian nào nhưng bà H có vay của bà 70.000.000đ, đòi nhiều lần nhưng không trả nên bà đã khởi kiện bà H ra Tòa án và sự việc đã được Tòa án giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật vào năm 2020. Bà không biết thực tế có sự việc bà H ra nhà bà trả tiền nhưng không gặp bà nên đã nhờ chị Nguyễn Thị Ngọc A nhận thay hay không, tuy nhiên chị A không giao cho bà 60.000.000đ cho bà. Bà không biết chị Nguyễn Thị Ngọc A có cho bà Đinh Thị H vay 60.000.000đ hay không nhưng bà có nghe chị A kể lại với bà về việc chị A có cho bà H vay 60.000.000đ, bà có dặn chị A là khi nào bà H trả thì nói bà trả luôn 130.000.000đ (trong đó có tiền nợ của bà là 70.000.000đ và nợ chị A là 60.000.000đ).

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc A phải trả cho bà Đinh Thị H 60.000.000đ và chịu án phí DSST.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ gồm: 01 biên nhận tiền lập ngày 25/10/2019 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp. Các đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc A phải trả số tiền 60.000.000đ mà chị A đã nhận theo biên nhận tiền lập ngày 25/10/2019 nên đây là tranh chấp "Kiện đòi tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 166 của Bộ luật dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trú tại tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ tranh chấp về việc "Kiện đòi tài sản" không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy rằng:

Bà Đinh Thị H yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc A trả 60.000.000đ, số tiền này phát sinh từ việc bà Đinh Thị H trả nợ cho bà Trần Thị D nhưng bà D không có nhà nên đã nhờ chị Nguyễn Thị Ngọc A nhận thay cho mẹ. Lời trình bày của bà H phù hợp với chứng cứ là 01 giấy biên nhận tiền lập ngày 25/10/2019 có chữ ý của chị Nguyễn Thị Ngọc A. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận lập ngày 25/10/2019 là do chị viết ra. Tuy nhiên, chị không thừa nhận số tiền

60.000.000đ mà chị nhận từ bà H là tiền bà H trả nợ cho bà D. Chị cho rằng đây là khoản tiền riêng của chị đã cho bà H vay cách đó mấy ngày, đến ngày 25/10/2019 bà H trả cho chị, các bên không lập giấy vay. Ngoài lời khai, chị A không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày của mình là có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS thì:

"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…; 2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó…; 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận phần trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A.

Chị Nguyễn Thị Ngọc A đã nhận của bà Đinh Thị H 60.000.000đ. Đây là số tiền mà bà H trả nợ cho mẹ chị A là bà Trần Thị D nhưng chị A không giao cho bà Trần Thị D. Do đó, theo khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc A phải trả cho bà Đinh Thị H 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng).*

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí Dân sự Sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng).* H trả cho bà Đinh Thị H số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0004042 ngày 25/01/2021.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 155; khoản

1 Điều 166 của của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Kiện đòi tài sản". Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A phải trả cho bà Đinh Thị H 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đinh Thị H số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0004042 ngày 25/01/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hải Âu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.